

Số: 937/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật Giao thông tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 123 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 33 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	K59 2017 - 2021	K60 2018 - 2022	Cộng
1	Khoa học hàng hải	01	-	-	10	11
2	Kỹ thuật cơ khí động lực	-	-	-	12	12
3	Kỹ thuật ô tô	01	06	08	74	89
4	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	02	09	11

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K59 2017-2020	K60 2018-2021	K61 2019-2022	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	06	14	13	33

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Kỹ thuật Giao thông và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *chữ*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 937/QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131504	Nguyễn Ngọc Trung	20/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
2	60130045	Nguyễn Thiện Bảo	07/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
3	60135528	Mai Tường Hậu	18/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.KHHH	2018-2022
4	60131788	Từ Thị Thanh Hương	24/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
5	60130725	Nguyễn Võ Yến Nhi	11/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.KHHH	2018-2022
6	60139084	Trần Thị Kim Oanh	08/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
7	60130799	Phạm Mai Phước	09/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
8	60131505	Nguyễn Phan Thị Bích Phương	03/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
9	60130862	Lê Thúy Quỳnh	19/03/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
10	60130972	Nguyễn Quốc Thịnh	25/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KHHH	2018-2022
11	60137152	Nguyễn Hữu Tín	19/08/1995	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	60.KHHH	2018-2022

Danh sách có 11 sinh viên

2. Kỹ thuật cơ khí động lực

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60130092	Nguyễn Tấn Cường	04/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
2	60130274	Nguyễn Phúc Hậu	08/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CKDL	2018-2022
3	60132044	Đỗ Văn Hòa	26/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
4	60130403	Phạm Quốc Huy	02/09/2000	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
5	60132164	Hoàng Huy	23/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
6	60131478	Trần Quang Khánh	25/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CKDL	2018-2022
7	60130614	Ngô Xuân Hoài Nam	03/04/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
8	60136324	Nguyễn Ngọc Nguyên	22/11/2000	Quảng Nam	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
9	60130691	Nguyễn Nhân	09/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
10	60130917	Võ Minh Thái	08/01/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
11	60131738	Võ Văn Thành	12/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022
12	60137047	Trần Đình Thư	18/02/2000	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	60.CKDL	2018-2022

Danh sách có 12 sinh viên

3. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130830	Nguyễn Chí Thanh	15/03/1997	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.CNOT-1	2015-2019
2	58133287	Đặng Công Huy	21/02/1998	Đà Nẵng	Nam	Trung bình	58.CNOT-1	2016-2020
3	58131871	Nông Văn Công	06/08/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
4	58131922	Đặng Ngọc Hưng	18/03/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
5	58133295	Nguyễn Văn Tâm	12/12/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
6	58132023	Ngô Tiến Thọ	04/05/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
7	58132038	Nguyễn Đình Trí	25/12/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
8	59130735	Nguyễn Phúc Hiếu	13/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
9	59131675	Nguyễn Trí Nhân	01/04/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
10	59132094	Nguyễn Xuân Quỳnh	18/08/1999	Gia Lai	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
11	59133164	Huỳnh Văn Vũ	23/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
12	59130857	Hồ Phi Hùng	10/10/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
13	59136261	Trương Ngọc Thái	12/02/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
14	59132359	Lê Xuân	Thật	05/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
15	59132420	Thiên Sanh	Thịnh	28/02/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
16	60135063	Nguyễn Tú	Anh	25/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
17	60131454	Phan Tiến	Dũng	12/07/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
18	60135628	Nguyễn Huy	Hoài	03/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
19	60135642	Nguyễn Đắc	Hoàng	18/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
20	60131911	Trần Lý	Kha	09/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
21	60130528	Nguyễn Bảo	Lộc	13/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
22	60130550	Đỗ Thanh	Luận	17/09/2000	Phú Yên	Nam	Giỏi	60.CNOT-1	2018-2022
23	60136124	Phạm Lê Công	Minh	21/11/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
24	60136172	Bùi Ngọc	Nam	13/07/1998	Thái Bình	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
25	60136513	Lê Quang	Phát	29/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
26	60136584	Trần Thị Diễm	Phước	31/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
27	60136635	Đoàn Anh	Quang	28/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	60.CNOT-1	2018-2022
28	60132355	Lê Văn	Sang	30/03/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
29	60136727	Đặng Hoàng	Sang	10/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
30	60136749	Lê Đình	Son	09/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
31	60136760	Vũ Văn	Son	12/03/2000	Gia Lai	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
32	60137339	Lê Văn	Trọng	01/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
33	60137392	Lưu Quốc	Tú	12/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
34	60137574	Vũ Quang	Vinh	02/02/2000	Hải Dương	Nam	Khá	60.CNOT-1	2018-2022
35	60137642	Lê	Vỹ	15/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-1	2018-2022
36	60135009	Nguyễn Phan Nhật	An	14/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
37	60135065	Phạm Giáp Lê	Anh	19/04/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
38	60135233	Nguyễn Thiên Sĩ	Đạt	03/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
39	60135261	Bùi Công	Điền	22/09/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
40	60135348	Nguyễn Đức	Duy	12/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
41	60135506	Trần Nguyên Anh	Hào	18/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
42	60130338	Hồ Phi	Hoàng	14/11/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
43	60135680	Hà Hoàng	Hùng	13/07/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
44	60135757	Nguyễn Minh	Huy	19/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
45	60135773	Trần Gia	Huy	02/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
46	60135810	Nguyễn Văn	Khải	12/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
47	60135815	Nguyễn Minh	Khang	25/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
48	60131708	Y Nghĩa	Knul	05/11/2000	Đắk Lắk	Nam	Giỏi	60.CNOT-2	2018-2022
49	60135971	Trần Đạt	Linh	04/06/2000	Nam Định	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
50	60131648	Lê Quốc	Luận	22/10/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
51	60136054	Phạm Tiến	Luật	12/08/2000	Bình Định	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
52	60131799	Nguyễn Chính	Minh	24/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
53	60130615	Nguyễn Hoài	Nam	21/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
54	60136189	Thái Hoài	Nam	12/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
55	60136361	Trần Văn	Nhân	22/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
56	60130800	Huỳnh Văn	Phước	26/02/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
57	60136767	Đỗ Văn	Sỹ	21/09/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
58	60136779	Nguyễn Minh	Tài	05/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
59	60136853	Văn Đức	Thắng	01/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
60	60137083	Trần	Thường	26/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-2	2018-2022
61	60137123	Đặng Quang	Tiến	16/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
62	60131173	Quảng Đại Hoàng Tuấn	21/06/2000	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
63	60137425	Trần Quang Tuấn	07/02/2000	Gia Lai	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
64	60131900	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18/09/2000	Kon Tum	Nữ	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
65	60130035	Lê Thái Bàn	26/12/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
66	60135184	Ngô Trọng Chương	08/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
67	60135235	Đặng Ngọc Đạt	05/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
68	60130163	Ngô Viết Dũng	23/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
69	60130307	Trần Minh Hiếu	30/09/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
70	60135592	Phùng Thanh Hiếu	25/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
71	60135621	Lý Khánh Hòa	25/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
72	60130404	Thái Hoàng Huy	11/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
73	60135762	Nguyễn Thanh Huy	08/10/2000	Đắk Lắk	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
74	60135811	Võ Đức Khải	25/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
75	60135890	Nguyễn Thành Lam	17/03/1998	Kon Tum	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
76	60136051	Lê Văn Luận	13/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
77	60131485	Nguyễn Xuân Lượng	02/04/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
78	60132099	Hoàng Công Minh	02/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
79	60136122	Nguyễn Văn Minh	14/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
80	60130618	Võ Trịnh Phương Nam	21/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
81	60136191	Trương Duy Nam	19/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
82	60130690	Mai Ngọc Nhân	04/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
83	60136363	Trịnh Minh Nhân	07/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
84	60136631	Lâm Tường Quân	05/04/2000	Quảng Nam	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022
85	60136741	Nguyễn Thu Sinh	16/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
86	60130907	Võ Thanh Tâm	21/04/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
87	60130928	Cao Khánh Minh Thanh	06/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
88	60137330	Cao Tiến Trình	31/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
89	60137381	Phùng Văn Trường	01/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNOT-3	2018-2022

Danh sách có 89 sinh viên

4. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59131427	Trần Đức Minh	06/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTTT	2017-2021
2	59132948	Phạm Minh Tuấn	10/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTTT	2017-2021
3	60131439	Lương Ngọc Bỉ	06/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
4	60135568	Hồ Trung Hiếu	01/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
5	60135577	Lê Thuận Hiếu	02/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.KTTT	2018-2022
6	60135922	Đặng Văn Liêm	05/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
7	60136136	Lê Thị Kiều My	01/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.KTTT	2018-2022
8	60130617	Phạm Hữu Phương Nam	05/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
9	60136308	Đinh Hữu Nguyên	15/05/2000	Quảng Nam	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
10	60130878	Nguyễn Xuân Sang	03/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022
11	60137368	Trần Xuân Trung	06/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTTT	2018-2022

Danh sách có 11 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 937 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59160822	Lê Nguyễn Minh Duy	26/02/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
2	59169176	Trần Trọng Phi	18/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
3	59169007	Cao Trần Quốc Bảo	24/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
4	59168004	Nguyễn Thành Công	29/07/1998	Hà Nội	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
5	59160912	Phan Đức Nhân	22/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
6	59160999	Nguyễn Thành Trọng	01/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
7	60161807	Lý Văn Long	20/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-1	2018-2021
8	60160704	Huỳnh Quốc Nghĩa	21/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-1	2018-2021
9	60162112	Nguyễn Chí Bảo	09/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-2	2018-2021
10	60161772	Nguyễn Hải Dương	25/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-2	2018-2021
11	60161970	Lê Văn Huy	20/07/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-2	2018-2021
12	60160579	Mai Hải Long	22/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-2	2018-2021
13	60160840	Y Tin Niê	17/08/1999	Đắk Lắk	Nam	Khá	60C.CNOT-2	2018-2021
14	60162097	Trần Hiếu Trung	29/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-2	2018-2021
15	60162276	Võ Đăng Danh	15/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
16	60162023	Lê Anh Hào	30/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
17	60160466	Nguyễn Đình Khải	01/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60C.CNOT-3	2018-2021
18	60161015	Trần Cao Thắng	25/06/2000	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
19	60161027	Nguyễn Quang Thành	19/11/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
20	60161345	Lê Hữu Tùng	25/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
21	61160007	Lê Tuấn Anh	06/07/2001	Phú Yên	Nam	Trung bình	61C.CNOT-1	2019-2022
22	61161366	Nguyễn Lâm Doanh	22/06/2001	Đắk Lắk	Nam	Khá	61C.CNOT-1	2019-2022
23	61160072	Nguyễn Đình Duy	07/12/2000	Phú Yên	Nam	Khá	61C.CNOT-1	2019-2022
24	61160234	Nguyễn Văn Luận	19/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.CNOT-1	2019-2022
25	61161100	Nguyễn Nhật Minh	25/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.CNOT-1	2019-2022
26	61160358	Nguyễn Văn Phi	23/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.CNOT-1	2019-2022
27	61161228	Lý Thanh Phong	19/06/2001	Phú Yên	Nam	Trung bình	61C.CNOT-1	2019-2022
28	61160498	Phan Hữu Thống	19/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.CNOT-1	2019-2022
29	61160594	Đoàn Việt Trường	25/05/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61C.CNOT-1	2019-2022
30	61160186	Nguyễn Gia Khiêm	03/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.CNOT-2	2019-2022
31	61161158	Hồ Tấn Phát	10/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.CNOT-2	2019-2022
32	61160537	Phan Đức Tín	21/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.CNOT-2	2019-2022
33	61161530	Nguyễn Hiếu Trung	05/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.CNOT-2	2019-2022

Danh sách có 33 sinh viên